**Đặc tả Use Case Đăng nhập**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC1100 | **Tên Use case** | Đăng nhập |
| **Tác nhân** | Khách vãng lai | | |
| **Mục đích** | Đăng nhập vào hệ thống | | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Tác nhân chọn chức năng đăng nhập | | |
| **Tiền điều kiện** | Không có | | |
| **Luồng sự kiện chính**  **(Thành công)** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | |  | Tác nhân | chọn chức năng Đăng nhập | |  | Hệ thống | hiển thị giao diện đăng nhập  Nếu tác nhân chọn chức năng quên mật khẩu sẽ gọi UC1120 | |  | Tác nhân | nhập email và mật khẩu (mô tả phía dưới \*) sau đó yêu cầu đăng nhập | |  | Hệ thống | * kiểm tra xem khách đã nhập các trường bắt buộc nhập hay chưa * kiểm tra email và mật khẩu có hợp lệ do khách nhập trong hệ thống hay không | |  | Hệ thống | Đăng nhập thành công | | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 5a. | Hệ thống | thông báo lỗi: Cần nhập các trường bắt buộc nhập nếu khách nhập thiếu | | 5b. | Hệ thống | thông báo lỗi: Email và/hoặc mật khẩu chưa đúng nếu không tìm thấy email và mật khẩu trong hệ thống | | 5c. | Hệ thống | thông báo lỗi: Tài khoản bị khoá, nếu email/mật khẩu đúng như tài khoản đang bị admin khoá. | | | |
| **Hậu điều kiện** | Hệ thống kiểm tra thông tin đăng nhập trùng khớp trong csdl, đăng nhập thành công | | |

Dữ liệu đầu vào của thông tin cá nhân gồm các trường dữ liệu sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Trường dữ liệu** | **Mô tả** | **Bắt buộc?** | **Điều kiện hợp lệ** | **Ví dụ** |
|  | Email |  | Có |  | duy@gmail.com |
|  | Mật khẩu |  | Có | Ít nhất 8 ký tự gồm chữ số và chữ cái, có ít nhất một ký tự viết hoa và một ký tự đặc biệt | Duyltu99#$ |